TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:144/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 9- 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
2. Ông **Phan Thanh Xuyên.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm canh Hi vụ án thụ lý số: 351/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp *"*Hôn nhân và gia đình*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn H** - sinh ngày: 01/01/1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Kim P** – sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Văn H có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 anh Lê Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Kim P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm. Sau ngày cưới vợ chồng anh cùng nhau đi làm ở Bình Dương. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng khanh còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị P.

- Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/10/2015. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn anh

đồng ý giao cháu T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị P đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị P nhưng chị P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công kH chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của chị P không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công kH chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về áp dụng pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn H ly hôn chị Trần Kim P.

Về con chung: Giao con chung cháu Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Trần Kim P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng. Anh Lê Văn H có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nêm miễn xét.

Về án phí: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa anh H và bị đơn chị P, chị

P có nơi cư trú tại ấp 2, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh H có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công kH chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị P vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị P nhưng chị P cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm vào ngày 15/8/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo anh H trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh H và chị P không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu ly hôn với chị P, chị P vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung: Anh H và chị P có một người con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/10/2015. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn anh H đồng ý giao cháu T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xét nguyện vọng của con, tại thời điểm xét xử ngày 08/9/2023 cháu T đã 08 tuổi do đó phải có ý kiến nguyện vọng của cháu T nhưng anh H trình bày từ khi anh và chi P không còn sống chung đến nay thì chị P dẫn cháu T đi đâu anh không biết, tại biên bản xác minh ngày 14/7/2023 do ông Trưởng ấp 2, xã Tân Quới Trung xác nhận chị P có hộ khẩu tại ấp 2, xã Tân Quới Trung nhưng hiện nay chị P không có mặt tại địa phương khi đi chị P đã dẫn cháu T cùng đi với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh H và chị P không còn sống chung với nhau cho đến nay cháu T sống với chị P, chị P vắng mặt nên chấp nhận yêu cầu của anh H. Giao cháu T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn H.

Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn H được ly hôn với chị Trần Kim P.

Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Trần Kim P có một người con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/10/2015. Giao cháu Lê Thị Kim T cho chị Trần Kim P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Kim P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Kim P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Lê Văn H đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009606 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Lê Văn H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc khanh có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh